

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt giá bán Nhà ở xã hội - Công trình: Nhà ở xã hội OXH-2
thuộc dự án Khu đô thị tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI HÙNG SƠN

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/05/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/05/2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/07/2024 và Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025;

Căn cứ Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực Nhà ở, Kinh doanh Bất động sản;

Căn cứ Quyết định số 3921/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Hưng Lộc, thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu đô thị tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 03/06/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Chấp thuận nhà đầu tư dự án khu đô thị tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 7429/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt Đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị tại phường Hưng Lộc, thành phố Vinh;

Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-HS ngày 30/6/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hùng Sơn về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng: Khu đô thị tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-HS ngày 9/9/2025 của Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hùng Sơn về việc phê duyệt Hồ sơ thiết kế cơ sở các hạng mục công trình: Nhà ở xã hội OXH-2, nhà ở liền kề thuộc dự án Khu đô thị tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-HS ngày 04/10/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hùng Sơn về việc phê duyệt Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công các hạng mục công trình: Nhà ở xã hội OXH-2, nhà ở liền kề thuộc dự án Khu đô thị tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 3119/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: Khu đô thị tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-HS ngày 28/2/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hùng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư: Nhà ở xã hội OXH-2 thuộc Khu đô thị tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-HS ngày 2/3/2026 của Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hùng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Hồ sơ thiết kế cơ sở hạng mục công trình: Nhà ở xã hội OXH-2 thuộc dự án Khu đô thị tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-HS ngày 10/3/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hùng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công hạng mục công trình: Nhà ở xã hội OXH-2 thuộc dự án Khu đô thị tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-HS ngày 19/05/2026 về việc Phê duyệt dự toán xây dựng và điều chỉnh Tổng mức đầu tư hạng mục công trình: Nhà ở xã hội OXH2 thuộc dự án Khu đô thị tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Báo cáo thẩm tra số 200526.01/TV-BCTT ngày 20/05/2026 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Tân Việt về việc thẩm tra giá bán nhà ở xã hội công

trình: Nhà ở xã hội OXH-2 thuộc dự án Khu đô thị tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá bán nhà ở xã hội công trình: Nhà ở xã hội OXH-2 thuộc dự án Khu đô thị tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An cụ thể như sau:

Giá bán bình quân 1m² diện tích căn hộ để bán là: **23.016.550 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi ba triệu, không mười sáu nghìn, năm trăm năm mươi đồng) (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Trong đó:

+ **Nhóm 1** (Các căn hộ số 08 đến 14 và 16 đến 17 - tầng 4, tầng 13, tầng 20 - khối A & Các căn hộ số 01 đến 05 và căn 18 - tầng 4, tầng 13, tầng 20 - khối B) = **22.149.149 đồng**

+ **Nhóm 2** (Các căn hộ số 08 đến 14 và 16 đến 17 - tầng 5 đến tầng 12 và tầng 14 đến tầng 19 - khối A; Các căn hộ số 01 đến 05 và căn số 18 - tầng 4, tầng 13, tầng 20 - khối A; Các căn hộ số 01 đến 05 và căn 18 - tầng 5 đến tầng 12 và tầng 14 đến tầng 19 - khối B & Các căn hộ số 08 đến 14 và 16 đến 17 - tầng 4, tầng 13, tầng 20 - khối B) = **22.610.585 đồng**

+ **Nhóm 3** (Các căn hộ số 01 đến 05 và căn số 18 - tầng 5 đến tầng 12 và tầng 14 đến tầng 19 - khối A & Các căn hộ số 08 đến 14 và 16 đến 17 - tầng 5 đến tầng 12 và tầng 14 đến tầng 19 - khối B) = **23.072.021 đồng**

+ **Nhóm 4** (Các căn hộ số 06; 07 và căn số 15 - tất cả các tầng - khối A & Các căn hộ số 06; 07 và căn số 15 - tất cả các tầng - khối B) = **24.225.633 đồng**

(Chi tiết giá bán các căn hộ theo Phụ lục 01 đính kèm)

Điều 2. Giao Ban Tổng Giám đốc và các Phòng, Ban liên quan điều hành tổ chức các công tác liên quan đến việc cung cấp thông tin văn bản đến cơ quan ban ngành, các thủ tục công việc khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Tổng Giám đốc và các Phòng, Ban liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu PTDA.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Nhật Tân

**PHỤ LỤC 1: Danh sách giá bán các căn hộ chung cư xã hội (OXH-2) Khu đô thị tại
phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An**

*(Kèm theo Quyết định số 58/QĐ-HS ngày 20/5/2026 của Công ty CP Đầu tư và Thương mại
Hùng Sơn)*

STT	Mã căn	Tầng	Diện tích sử dụng (m ²)	Nhóm căn hộ	Giá bán (đồng/m ²)
1	A.04.01	4	68,8	Nhóm 2	22.610.585
2	A.04.02	4	68,8	Nhóm 2	22.610.585
3	A.04.03	4	68,8	Nhóm 2	22.610.585
4	A.04.04	4	68,8	Nhóm 2	22.610.585
5	A.04.05	4	68,8	Nhóm 2	22.610.585
6	A.04.06	4	68,9	Nhóm 4	24.225.633
7	A.04.07	4	68,8	Nhóm 4	24.225.633
8	A.04.08	4	68,5	Nhóm 1	22.149.149
9	A.04.09	4	39,1	Nhóm 1	22.149.149
10	A.04.10	4	68,8	Nhóm 1	22.149.149
11	A.04.11	4	68,8	Nhóm 1	22.149.149
12	A.04.12	4	68,8	Nhóm 1	22.149.149
13	A.04.13	4	68,8	Nhóm 1	22.149.149
14	A.04.14	4	34,5	Nhóm 1	22.149.149
15	A.04.15	4	67,5	Nhóm 4	24.225.633
16	A.04.16	4	69,9	Nhóm 1	22.149.149
17	A.04.17	4	68,8	Nhóm 1	22.149.149
18	A.04.18	4	66,6	Nhóm 2	22.610.585
19	B.04.01	4	68,8	Nhóm 1	22.149.149
20	B.04.02	4	68,8	Nhóm 1	22.149.149
21	B.04.03	4	68,8	Nhóm 1	22.149.149
22	B.04.04	4	68,8	Nhóm 1	22.149.149
23	B.04.05	4	68,8	Nhóm 1	22.149.149
24	B.04.06	4	68,9	Nhóm 4	24.225.633
25	B.04.07	4	68,8	Nhóm 4	24.225.633
26	B.04.08	4	68,5	Nhóm 2	22.610.585
27	B.04.09	4	39,1	Nhóm 2	22.610.585
28	B.04.10	4	68,8	Nhóm 2	22.610.585
29	B.04.11	4	68,8	Nhóm 2	22.610.585
30	B.04.12	4	68,8	Nhóm 2	22.610.585
31	B.04.13	4	68,8	Nhóm 2	22.610.585
32	B.04.14	4	34,5	Nhóm 2	22.610.585
33	B.04.15	4	67,5	Nhóm 4	24.225.633
34	B.04.16	4	69,9	Nhóm 2	22.610.585
35	B.04.17	4	68,8	Nhóm 2	22.610.585
36	B.04.18	4	66,6	Nhóm 1	22.149.149
37	A.05.01	5	68,8	Nhóm 3	23.072.021
38	A.05.02	5	68,8	Nhóm 3	23.072.021
39	A.05.03	5	68,8	Nhóm 3	23.072.021

STT	Mã căn	Tầng	Diện tích sử dụng (m ²)	Nhóm căn hộ	Giá bán (đồng/m ²)
40	A.05.04	5	68,8	Nhóm 3	23.072.021
41	A.05.05	5	68,8	Nhóm 3	23.072.021
42	A.05.06	5	68,9	Nhóm 4	24.225.633
43	A.05.07	5	68,8	Nhóm 4	24.225.633
44	A.05.08	5	68,5	Nhóm 2	22.610.585
45	A.05.09	5	39,1	Nhóm 2	22.610.585
46	A.05.10	5	68,8	Nhóm 2	22.610.585
47	A.05.11	5	68,8	Nhóm 2	22.610.585
48	A.05.12	5	68,8	Nhóm 2	22.610.585
49	A.05.13	5	68,8	Nhóm 2	22.610.585
50	A.05.14	5	34,5	Nhóm 2	22.610.585
51	A.05.15	5	67,5	Nhóm 4	24.225.633
52	A.05.16	5	69,9	Nhóm 2	22.610.585
53	A.05.17	5	68,8	Nhóm 2	22.610.585
54	A.05.18	5	66,6	Nhóm 3	23.072.021
55	B.05.01	5	68,8	Nhóm 2	22.610.585
56	B.05.02	5	68,8	Nhóm 2	22.610.585
57	B.05.03	5	68,8	Nhóm 2	22.610.585
58	B.05.04	5	68,8	Nhóm 2	22.610.585
59	B.05.05	5	68,8	Nhóm 2	22.610.585
60	B.05.06	5	68,9	Nhóm 4	24.225.633
61	B.05.07	5	68,8	Nhóm 4	24.225.633
62	B.05.08	5	68,5	Nhóm 3	23.072.021
63	B.05.09	5	39,1	Nhóm 3	23.072.021
64	B.05.10	5	68,8	Nhóm 3	23.072.021
65	B.05.11	5	68,8	Nhóm 3	23.072.021
66	B.05.12	5	68,8	Nhóm 3	23.072.021
67	B.05.13	5	68,8	Nhóm 3	23.072.021
68	B.05.14	5	34,5	Nhóm 3	23.072.021
69	B.05.15	5	67,5	Nhóm 4	24.225.633
70	B.05.16	5	69,9	Nhóm 3	23.072.021
71	B.05.17	5	68,8	Nhóm 3	23.072.021
72	B.05.18	5	66,6	Nhóm 2	22.610.585
73	A.06.01	6	68,8	Nhóm 3	23.072.021
74	A.06.02	6	68,8	Nhóm 3	23.072.021
75	A.06.03	6	68,8	Nhóm 3	23.072.021
76	A.06.04	6	68,8	Nhóm 3	23.072.021
77	A.06.05	6	68,8	Nhóm 3	23.072.021
78	A.06.06	6	68,9	Nhóm 4	24.225.633
79	A.06.07	6	68,8	Nhóm 4	24.225.633
80	A.06.08	6	68,5	Nhóm 2	22.610.585
81	A.06.09	6	39,1	Nhóm 2	22.610.585
82	A.06.10	6	68,8	Nhóm 2	22.610.585
83	A.06.11	6	68,8	Nhóm 2	22.610.585

STT	Mã căn	Tầng	Diện tích sử dụng (m ²)	Nhóm căn hộ	Giá bán (đồng/m ²)
84	A.06.12	6	68,8	Nhóm 2	22.610.585
85	A.06.13	6	68,8	Nhóm 2	22.610.585
86	A.06.14	6	34,5	Nhóm 2	22.610.585
87	A.06.15	6	67,5	Nhóm 4	24.225.633
88	A.06.16	6	69,9	Nhóm 2	22.610.585
89	A.06.17	6	68,8	Nhóm 2	22.610.585
90	A.06.18	6	66,6	Nhóm 3	23.072.021
91	B.06.01	6	68,8	Nhóm 2	22.610.585
92	B.06.02	6	68,8	Nhóm 2	22.610.585
93	B.06.03	6	68,8	Nhóm 2	22.610.585
94	B.06.04	6	68,8	Nhóm 2	22.610.585
95	B.06.05	6	68,8	Nhóm 2	22.610.585
96	B.06.06	6	68,9	Nhóm 4	24.225.633
97	B.06.07	6	68,8	Nhóm 4	24.225.633
98	B.06.08	6	68,5	Nhóm 3	23.072.021
99	B.06.09	6	39,1	Nhóm 3	23.072.021
100	B.06.10	6	68,8	Nhóm 3	23.072.021
101	B.06.11	6	68,8	Nhóm 3	23.072.021
102	B.06.12	6	68,8	Nhóm 3	23.072.021
103	B.06.13	6	68,8	Nhóm 3	23.072.021
104	B.06.14	6	34,5	Nhóm 3	23.072.021
105	B.06.15	6	67,5	Nhóm 4	24.225.633
106	B.06.16	6	69,9	Nhóm 3	23.072.021
107	B.06.17	6	68,8	Nhóm 3	23.072.021
108	B.06.18	6	66,6	Nhóm 2	22.610.585
109	A.07.01	7	68,8	Nhóm 3	23.072.021
110	A.07.02	7	68,8	Nhóm 3	23.072.021
111	A.07.03	7	68,8	Nhóm 3	23.072.021
112	A.07.04	7	68,8	Nhóm 3	23.072.021
113	A.07.05	7	68,8	Nhóm 3	23.072.021
114	A.07.06	7	68,9	Nhóm 4	24.225.633
115	A.07.07	7	68,8	Nhóm 4	24.225.633
116	A.07.08	7	68,5	Nhóm 2	22.610.585
117	A.07.09	7	39,1	Nhóm 2	22.610.585
118	A.07.10	7	68,8	Nhóm 2	22.610.585
119	A.07.11	7	68,8	Nhóm 2	22.610.585
120	A.07.12	7	68,8	Nhóm 2	22.610.585
121	A.07.13	7	68,8	Nhóm 2	22.610.585
122	A.07.14	7	34,5	Nhóm 2	22.610.585
123	A.07.15	7	67,5	Nhóm 4	24.225.633
124	A.07.16	7	69,9	Nhóm 2	22.610.585
125	A.07.17	7	68,8	Nhóm 2	22.610.585
126	A.07.18	7	66,6	Nhóm 3	23.072.021
127	B.07.01	7	68,8	Nhóm 2	22.610.585

STT	Mã căn	Tầng	Diện tích sử dụng (m2)	Nhóm căn hộ	Giá bán (đồng/m2)
128	B.07.02	7	68,8	Nhóm 2	22.610.585
129	B.07.03	7	68,8	Nhóm 2	22.610.585
130	B.07.04	7	68,8	Nhóm 2	22.610.585
131	B.07.05	7	68,8	Nhóm 2	22.610.585
132	B.07.06	7	68,9	Nhóm 4	24.225.633
133	B.07.07	7	68,8	Nhóm 4	24.225.633
134	B.07.08	7	68,5	Nhóm 3	23.072.021
135	B.07.09	7	39,1	Nhóm 3	23.072.021
136	B.07.10	7	68,8	Nhóm 3	23.072.021
137	B.07.11	7	68,8	Nhóm 3	23.072.021
138	B.07.12	7	68,8	Nhóm 3	23.072.021
139	B.07.13	7	68,8	Nhóm 3	23.072.021
140	B.07.14	7	34,5	Nhóm 3	23.072.021
141	B.07.15	7	67,5	Nhóm 4	24.225.633
142	B.07.16	7	69,9	Nhóm 3	23.072.021
143	B.07.17	7	68,8	Nhóm 3	23.072.021
144	B.07.18	7	66,6	Nhóm 2	22.610.585
145	A.08.01	8	68,8	Nhóm 3	23.072.021
146	A.08.02	8	68,8	Nhóm 3	23.072.021
147	A.08.03	8	68,8	Nhóm 3	23.072.021
148	A.08.04	8	68,8	Nhóm 3	23.072.021
149	A.08.05	8	68,8	Nhóm 3	23.072.021
150	A.08.06	8	68,9	Nhóm 4	24.225.633
151	A.08.07	8	68,8	Nhóm 4	24.225.633
152	A.08.08	8	68,5	Nhóm 2	22.610.585
153	A.08.09	8	39,1	Nhóm 2	22.610.585
154	A.08.10	8	68,8	Nhóm 2	22.610.585
155	A.08.11	8	68,8	Nhóm 2	22.610.585
156	A.08.12	8	68,8	Nhóm 2	22.610.585
157	A.08.13	8	68,8	Nhóm 2	22.610.585
158	A.08.14	8	34,5	Nhóm 2	22.610.585
159	A.08.15	8	67,5	Nhóm 4	24.225.633
160	A.08.16	8	69,9	Nhóm 2	22.610.585
161	A.08.17	8	68,8	Nhóm 2	22.610.585
162	A.08.18	8	66,6	Nhóm 3	23.072.021
163	B.08.01	8	68,8	Nhóm 2	22.610.585
164	B.08.02	8	68,8	Nhóm 2	22.610.585
165	B.08.03	8	68,8	Nhóm 2	22.610.585
166	B.08.04	8	68,8	Nhóm 2	22.610.585
167	B.08.05	8	68,8	Nhóm 2	22.610.585
168	B.08.06	8	68,9	Nhóm 4	24.225.633
169	B.08.07	8	68,8	Nhóm 4	24.225.633
170	B.08.08	8	68,5	Nhóm 3	23.072.021
171	B.08.09	8	39,1	Nhóm 3	23.072.021

STT	Mã căn	Tầng	Diện tích sử dụng (m ²)	Nhóm căn hộ	Giá bán (đồng/m ²)
172	B.08.10	8	68,8	Nhóm 3	23.072.021
173	B.08.11	8	68,8	Nhóm 3	23.072.021
174	B.08.12	8	68,8	Nhóm 3	23.072.021
175	B.08.13	8	68,8	Nhóm 3	23.072.021
176	B.08.14	8	34,5	Nhóm 3	23.072.021
177	B.08.15	8	67,5	Nhóm 4	24.225.633
178	B.08.16	8	69,9	Nhóm 3	23.072.021
179	B.08.17	8	68,8	Nhóm 3	23.072.021
180	B.08.18	8	66,6	Nhóm 2	22.610.585
181	A.09.01	9	68,8	Nhóm 3	23.072.021
182	A.09.02	9	68,8	Nhóm 3	23.072.021
183	A.09.03	9	68,8	Nhóm 3	23.072.021
184	A.09.04	9	68,8	Nhóm 3	23.072.021
185	A.09.05	9	68,8	Nhóm 3	23.072.021
186	A.09.06	9	68,9	Nhóm 4	24.225.633
187	A.09.07	9	68,8	Nhóm 4	24.225.633
188	A.09.08	9	68,5	Nhóm 2	22.610.585
189	A.09.09	9	39,1	Nhóm 2	22.610.585
190	A.09.10	9	68,8	Nhóm 2	22.610.585
191	A.09.11	9	68,8	Nhóm 2	22.610.585
192	A.09.12	9	68,8	Nhóm 2	22.610.585
193	A.09.13	9	68,8	Nhóm 2	22.610.585
194	A.09.14	9	34,5	Nhóm 2	22.610.585
195	A.09.15	9	67,5	Nhóm 4	24.225.633
196	A.09.16	9	69,9	Nhóm 2	22.610.585
197	A.09.17	9	68,8	Nhóm 2	22.610.585
198	A.09.18	9	66,6	Nhóm 3	23.072.021
199	B.09.01	9	68,8	Nhóm 2	22.610.585
200	B.09.02	9	68,8	Nhóm 2	22.610.585
201	B.09.03	9	68,8	Nhóm 2	22.610.585
202	B.09.04	9	68,8	Nhóm 2	22.610.585
203	B.09.05	9	68,8	Nhóm 2	22.610.585
204	B.09.06	9	68,9	Nhóm 4	24.225.633
205	B.09.07	9	68,8	Nhóm 4	24.225.633
206	B.09.08	9	68,5	Nhóm 3	23.072.021
207	B.09.09	9	39,1	Nhóm 3	23.072.021
208	B.09.10	9	68,8	Nhóm 3	23.072.021
209	B.09.11	9	68,8	Nhóm 3	23.072.021
210	B.09.12	9	68,8	Nhóm 3	23.072.021
211	B.09.13	9	68,8	Nhóm 3	23.072.021
212	B.09.14	9	34,5	Nhóm 3	23.072.021
213	B.09.15	9	67,5	Nhóm 4	24.225.633
214	B.09.16	9	69,9	Nhóm 3	23.072.021
215	B.09.17	9	68,8	Nhóm 3	23.072.021

STT	Mã căn	Tầng	Diện tích sử dụng (m2)	Nhóm căn hộ	Giá bán (đồng/m2)
216	B.09.18	9	66,6	Nhóm 2	22.610.585
217	A.10.01	10	68,8	Nhóm 3	23.072.021
218	A.10.02	10	68,8	Nhóm 3	23.072.021
219	A.10.03	10	68,8	Nhóm 3	23.072.021
220	A.10.04	10	68,8	Nhóm 3	23.072.021
221	A.10.05	10	68,8	Nhóm 3	23.072.021
222	A.10.06	10	68,9	Nhóm 4	24.225.633
223	A.10.07	10	68,8	Nhóm 4	24.225.633
224	A.10.08	10	68,5	Nhóm 2	22.610.585
225	A.10.09	10	39,1	Nhóm 2	22.610.585
226	A.10.10	10	68,8	Nhóm 2	22.610.585
227	A.10.11	10	68,8	Nhóm 2	22.610.585
228	A.10.12	10	68,8	Nhóm 2	22.610.585
229	A.10.13	10	68,8	Nhóm 2	22.610.585
230	A.10.14	10	34,5	Nhóm 2	22.610.585
231	A.10.15	10	67,5	Nhóm 4	24.225.633
232	A.10.16	10	69,9	Nhóm 2	22.610.585
233	A.10.17	10	68,8	Nhóm 2	22.610.585
234	A.10.18	10	66,6	Nhóm 3	23.072.021
235	B.10.01	10	68,8	Nhóm 2	22.610.585
236	B.10.02	10	68,8	Nhóm 2	22.610.585
237	B.10.03	10	68,8	Nhóm 2	22.610.585
238	B.10.04	10	68,8	Nhóm 2	22.610.585
239	B.10.05	10	68,8	Nhóm 2	22.610.585
240	B.10.06	10	68,9	Nhóm 4	24.225.633
241	B.10.07	10	68,8	Nhóm 4	24.225.633
242	B.10.08	10	68,5	Nhóm 3	23.072.021
243	B.10.09	10	39,1	Nhóm 3	23.072.021
244	B.10.10	10	68,8	Nhóm 3	23.072.021
245	B.10.11	10	68,8	Nhóm 3	23.072.021
246	B.10.12	10	68,8	Nhóm 3	23.072.021
247	B.10.13	10	68,8	Nhóm 3	23.072.021
248	B.10.14	10	34,5	Nhóm 3	23.072.021
249	B.10.15	10	67,5	Nhóm 4	24.225.633
250	B.10.16	10	69,9	Nhóm 3	23.072.021
251	B.10.17	10	68,8	Nhóm 3	23.072.021
252	B.10.18	10	66,6	Nhóm 2	22.610.585
253	A.11.01	11	68,8	Nhóm 3	23.072.021
254	A.11.02	11	68,8	Nhóm 3	23.072.021
255	A.11.03	11	68,8	Nhóm 3	23.072.021
256	A.11.04	11	68,8	Nhóm 3	23.072.021
257	A.11.05	11	68,8	Nhóm 3	23.072.021
258	A.11.06	11	68,9	Nhóm 4	24.225.633
259	A.11.07	11	68,8	Nhóm 4	24.225.633

STT	Mã căn	Tầng	Diện tích sử dụng (m ²)	Nhóm căn hộ	Giá bán (đồng/m ²)
260	A.11.08	11	68,5	Nhóm 2	22.610.585
261	A.11.09	11	39,1	Nhóm 2	22.610.585
262	A.11.10	11	68,8	Nhóm 2	22.610.585
263	A.11.11	11	68,8	Nhóm 2	22.610.585
264	A.11.12	11	68,8	Nhóm 2	22.610.585
265	A.11.13	11	68,8	Nhóm 2	22.610.585
266	A.11.14	11	34,5	Nhóm 2	22.610.585
267	A.11.15	11	67,5	Nhóm 4	24.225.633
268	A.11.16	11	69,9	Nhóm 2	22.610.585
269	A.11.17	11	68,8	Nhóm 2	22.610.585
270	A.11.18	11	66,6	Nhóm 3	23.072.021
271	B.11.01	11	68,8	Nhóm 2	22.610.585
272	B.11.02	11	68,8	Nhóm 2	22.610.585
273	B.11.03	11	68,8	Nhóm 2	22.610.585
274	B.11.04	11	68,8	Nhóm 2	22.610.585
275	B.11.05	11	68,8	Nhóm 2	22.610.585
276	B.11.06	11	68,9	Nhóm 4	24.225.633
277	B.11.07	11	68,8	Nhóm 4	24.225.633
278	B.11.08	11	68,5	Nhóm 3	23.072.021
279	B.11.09	11	39,1	Nhóm 3	23.072.021
280	B.11.10	11	68,8	Nhóm 3	23.072.021
281	B.11.11	11	68,8	Nhóm 3	23.072.021
282	B.11.12	11	68,8	Nhóm 3	23.072.021
283	B.11.13	11	68,8	Nhóm 3	23.072.021
284	B.11.14	11	34,5	Nhóm 3	23.072.021
285	B.11.15	11	67,5	Nhóm 4	24.225.633
286	B.11.16	11	69,9	Nhóm 3	23.072.021
287	B.11.17	11	68,8	Nhóm 3	23.072.021
288	B.11.18	11	66,6	Nhóm 2	22.610.585
289	A.12.01	12	68,8	Nhóm 3	23.072.021
290	A.12.02	12	68,8	Nhóm 3	23.072.021
291	A.12.03	12	68,8	Nhóm 3	23.072.021
292	A.12.04	12	68,8	Nhóm 3	23.072.021
293	A.12.05	12	68,8	Nhóm 3	23.072.021
294	A.12.06	12	68,9	Nhóm 4	24.225.633
295	A.12.07	12	68,8	Nhóm 4	24.225.633
296	A.12.08	12	68,5	Nhóm 2	22.610.585
297	A.12.09	12	39,1	Nhóm 2	22.610.585
298	A.12.10	12	68,8	Nhóm 2	22.610.585
299	A.12.11	12	68,8	Nhóm 2	22.610.585
300	A.12.12	12	68,8	Nhóm 2	22.610.585
301	A.12.13	12	68,8	Nhóm 2	22.610.585
302	A.12.14	12	34,5	Nhóm 2	22.610.585
303	A.12.15	12	67,5	Nhóm 4	24.225.633

STT	Mã căn	Tầng	Diện tích sử dụng (m2)	Nhóm căn hộ	Giá bán (đồng/m2)
304	A.12.16	12	69,9	Nhóm 2	22.610.585
305	A.12.17	12	68,8	Nhóm 2	22.610.585
306	A.12.18	12	66,6	Nhóm 3	23.072.021
307	B.12.01	12	68,8	Nhóm 2	22.610.585
308	B.12.02	12	68,8	Nhóm 2	22.610.585
309	B.12.03	12	68,8	Nhóm 2	22.610.585
310	B.12.04	12	68,8	Nhóm 2	22.610.585
311	B.12.05	12	68,8	Nhóm 2	22.610.585
312	B.12.06	12	68,9	Nhóm 4	24.225.633
313	B.12.07	12	68,8	Nhóm 4	24.225.633
314	B.12.08	12	68,5	Nhóm 3	23.072.021
315	B.12.09	12	39,1	Nhóm 3	23.072.021
316	B.12.10	12	68,8	Nhóm 3	23.072.021
317	B.12.11	12	68,8	Nhóm 3	23.072.021
318	B.12.12	12	68,8	Nhóm 3	23.072.021
319	B.12.13	12	68,8	Nhóm 3	23.072.021
320	B.12.14	12	34,5	Nhóm 3	23.072.021
321	B.12.15	12	67,5	Nhóm 4	24.225.633
322	B.12.16	12	69,9	Nhóm 3	23.072.021
323	B.12.17	12	68,8	Nhóm 3	23.072.021
324	B.12.18	12	66,6	Nhóm 2	22.610.585
325	A.13.01	13	68,8	Nhóm 2	22.610.585
326	A.13.02	13	68,8	Nhóm 2	22.610.585
327	A.13.03	13	68,8	Nhóm 2	22.610.585
328	A.13.04	13	68,8	Nhóm 2	22.610.585
329	A.13.05	13	68,8	Nhóm 2	22.610.585
330	A.13.06	13	68,9	Nhóm 4	24.225.633
331	A.13.07	13	68,8	Nhóm 4	24.225.633
332	A.13.08	13	68,5	Nhóm 1	22.149.149
333	A.13.09	13	39,1	Nhóm 1	22.149.149
334	A.13.10	13	68,8	Nhóm 1	22.149.149
335	A.13.11	13	68,8	Nhóm 1	22.149.149
336	A.13.12	13	68,8	Nhóm 1	22.149.149
337	A.13.13	13	68,8	Nhóm 1	22.149.149
338	A.13.14	13	34,5	Nhóm 1	22.149.149
339	A.13.15	13	67,5	Nhóm 4	24.225.633
340	A.13.16	13	69,9	Nhóm 1	22.149.149
341	A.13.17	13	68,8	Nhóm 1	22.149.149
342	A.13.18	13	66,6	Nhóm 2	22.610.585
343	B.13.01	13	68,8	Nhóm 1	22.149.149
344	B.13.02	13	68,8	Nhóm 1	22.149.149
345	B.13.03	13	68,8	Nhóm 1	22.149.149
346	B.13.04	13	68,8	Nhóm 1	22.149.149
347	B.13.05	13	68,8	Nhóm 1	22.149.149

STT	Mã căn	Tầng	Diện tích sử dụng (m ²)	Nhóm căn hộ	Giá bán (đồng/m ²)
348	B.13.06	13	68,9	Nhóm 4	24.225.633
349	B.13.07	13	68,8	Nhóm 4	24.225.633
350	B.13.08	13	68,5	Nhóm 2	22.610.585
351	B.13.09	13	39,1	Nhóm 2	22.610.585
352	B.13.10	13	68,8	Nhóm 2	22.610.585
353	B.13.11	13	68,8	Nhóm 2	22.610.585
354	B.13.12	13	68,8	Nhóm 2	22.610.585
355	B.13.13	13	68,8	Nhóm 2	22.610.585
356	B.13.14	13	34,5	Nhóm 2	22.610.585
357	B.13.15	13	67,5	Nhóm 4	24.225.633
358	B.13.16	13	69,9	Nhóm 2	22.610.585
359	B.13.17	13	68,8	Nhóm 2	22.610.585
360	B.13.18	13	66,6	Nhóm 1	22.149.149
361	A.14.01	14	68,8	Nhóm 3	23.072.021
362	A.14.02	14	68,8	Nhóm 3	23.072.021
363	A.14.03	14	68,8	Nhóm 3	23.072.021
364	A.14.04	14	68,8	Nhóm 3	23.072.021
365	A.14.05	14	68,8	Nhóm 3	23.072.021
366	A.14.06	14	68,9	Nhóm 4	24.225.633
367	A.14.07	14	68,8	Nhóm 4	24.225.633
368	A.14.08	14	68,5	Nhóm 2	22.610.585
369	A.14.09	14	39,1	Nhóm 2	22.610.585
370	A.14.10	14	68,8	Nhóm 2	22.610.585
371	A.14.11	14	68,8	Nhóm 2	22.610.585
372	A.14.12	14	68,8	Nhóm 2	22.610.585
373	A.14.13	14	68,8	Nhóm 2	22.610.585
374	A.14.14	14	34,5	Nhóm 2	22.610.585
375	A.14.15	14	67,5	Nhóm 4	24.225.633
376	A.14.16	14	69,9	Nhóm 2	22.610.585
377	A.14.17	14	68,8	Nhóm 2	22.610.585
378	A.14.18	14	66,6	Nhóm 3	23.072.021
379	B.14.01	14	68,8	Nhóm 2	22.610.585
380	B.14.02	14	68,8	Nhóm 2	22.610.585
381	B.14.03	14	68,8	Nhóm 2	22.610.585
382	B.14.04	14	68,8	Nhóm 2	22.610.585
383	B.14.05	14	68,8	Nhóm 2	22.610.585
384	B.14.06	14	68,9	Nhóm 4	24.225.633
385	B.14.07	14	68,8	Nhóm 4	24.225.633
386	B.14.08	14	68,5	Nhóm 3	23.072.021
387	B.14.09	14	39,1	Nhóm 3	23.072.021
388	B.14.10	14	68,8	Nhóm 3	23.072.021
389	B.14.11	14	68,8	Nhóm 3	23.072.021
390	B.14.12	14	68,8	Nhóm 3	23.072.021
391	B.14.13	14	68,8	Nhóm 3	23.072.021

STT	Mã căn	Tầng	Diện tích sử dụng (m2)	Nhóm căn hộ	Giá bán (đồng/m2)
392	B.14.14	14	34,5	Nhóm 3	23.072.021
393	B.14.15	14	67,5	Nhóm 4	24.225.633
394	B.14.16	14	69,9	Nhóm 3	23.072.021
395	B.14.17	14	68,8	Nhóm 3	23.072.021
396	B.14.18	14	66,6	Nhóm 2	22.610.585
397	A.15.01	15	68,8	Nhóm 3	23.072.021
398	A.15.02	15	68,8	Nhóm 3	23.072.021
399	A.15.03	15	68,8	Nhóm 3	23.072.021
400	A.15.04	15	68,8	Nhóm 3	23.072.021
401	A.15.05	15	68,8	Nhóm 3	23.072.021
402	A.15.06	15	68,9	Nhóm 4	24.225.633
403	A.15.07	15	68,8	Nhóm 4	24.225.633
404	A.15.08	15	68,5	Nhóm 2	22.610.585
405	A.15.09	15	39,1	Nhóm 2	22.610.585
406	A.15.10	15	68,8	Nhóm 2	22.610.585
407	A.15.11	15	68,8	Nhóm 2	22.610.585
408	A.15.12	15	68,8	Nhóm 2	22.610.585
409	A.15.13	15	68,8	Nhóm 2	22.610.585
410	A.15.14	15	34,5	Nhóm 2	22.610.585
411	A.15.15	15	67,5	Nhóm 4	24.225.633
412	A.15.16	15	69,9	Nhóm 2	22.610.585
413	A.15.17	15	68,8	Nhóm 2	22.610.585
414	A.15.18	15	66,6	Nhóm 3	23.072.021
415	B.15.01	15	68,8	Nhóm 2	22.610.585
416	B.15.02	15	68,8	Nhóm 2	22.610.585
417	B.15.03	15	68,8	Nhóm 2	22.610.585
418	B.15.04	15	68,8	Nhóm 2	22.610.585
419	B.15.05	15	68,8	Nhóm 2	22.610.585
420	B.15.06	15	68,9	Nhóm 4	24.225.633
421	B.15.07	15	68,8	Nhóm 4	24.225.633
422	B.15.08	15	68,5	Nhóm 3	23.072.021
423	B.15.09	15	39,1	Nhóm 3	23.072.021
424	B.15.10	15	68,8	Nhóm 3	23.072.021
425	B.15.11	15	68,8	Nhóm 3	23.072.021
426	B.15.12	15	68,8	Nhóm 3	23.072.021
427	B.15.13	15	68,8	Nhóm 3	23.072.021
428	B.15.14	15	34,5	Nhóm 3	23.072.021
429	B.15.15	15	67,5	Nhóm 4	24.225.633
430	B.15.16	15	69,9	Nhóm 3	23.072.021
431	B.15.17	15	68,8	Nhóm 3	23.072.021
432	B.15.18	15	66,6	Nhóm 2	22.610.585
433	A.16.01	16	68,8	Nhóm 3	23.072.021
434	A.16.02	16	68,8	Nhóm 3	23.072.021
435	A.16.03	16	68,8	Nhóm 3	23.072.021

STT	Mã căn	Tầng	Diện tích sử dụng (m ²)	Nhóm căn hộ	Giá bán (đồng/m ²)
436	A.16.04	16	68,8	Nhóm 3	23.072.021
437	A.16.05	16	68,8	Nhóm 3	23.072.021
438	A.16.06	16	68,9	Nhóm 4	24.225.633
439	A.16.07	16	68,8	Nhóm 4	24.225.633
440	A.16.08	16	68,5	Nhóm 2	22.610.585
441	A.16.09	16	39,1	Nhóm 2	22.610.585
442	A.16.10	16	68,8	Nhóm 2	22.610.585
443	A.16.11	16	68,8	Nhóm 2	22.610.585
444	A.16.12	16	68,8	Nhóm 2	22.610.585
445	A.16.13	16	68,8	Nhóm 2	22.610.585
446	A.16.14	16	34,5	Nhóm 2	22.610.585
447	A.16.15	16	67,5	Nhóm 4	24.225.633
448	A.16.16	16	69,9	Nhóm 2	22.610.585
449	A.16.17	16	68,8	Nhóm 2	22.610.585
450	A.16.18	16	66,6	Nhóm 3	23.072.021
451	B.16.01	16	68,8	Nhóm 2	22.610.585
452	B.16.02	16	68,8	Nhóm 2	22.610.585
453	B.16.03	16	68,8	Nhóm 2	22.610.585
454	B.16.04	16	68,8	Nhóm 2	22.610.585
455	B.16.05	16	68,8	Nhóm 2	22.610.585
456	B.16.06	16	68,9	Nhóm 4	24.225.633
457	B.16.07	16	68,8	Nhóm 4	24.225.633
458	B.16.08	16	68,5	Nhóm 3	23.072.021
459	B.16.09	16	39,1	Nhóm 3	23.072.021
460	B.16.10	16	68,8	Nhóm 3	23.072.021
461	B.16.11	16	68,8	Nhóm 3	23.072.021
462	B.16.12	16	68,8	Nhóm 3	23.072.021
463	B.16.13	16	68,8	Nhóm 3	23.072.021
464	B.16.14	16	34,5	Nhóm 3	23.072.021
465	B.16.15	16	67,5	Nhóm 4	24.225.633
466	B.16.16	16	69,9	Nhóm 3	23.072.021
467	B.16.17	16	68,8	Nhóm 3	23.072.021
468	B.16.18	16	66,6	Nhóm 2	22.610.585
469	A.17.01	17	68,8	Nhóm 3	23.072.021
470	A.17.02	17	68,8	Nhóm 3	23.072.021
471	A.17.03	17	68,8	Nhóm 3	23.072.021
472	A.17.04	17	68,8	Nhóm 3	23.072.021
473	A.17.05	17	68,8	Nhóm 3	23.072.021
474	A.17.06	17	68,9	Nhóm 4	24.225.633
475	A.17.07	17	68,8	Nhóm 4	24.225.633
476	A.17.08	17	68,5	Nhóm 2	22.610.585
477	A.17.09	17	39,1	Nhóm 2	22.610.585
478	A.17.10	17	68,8	Nhóm 2	22.610.585
479	A.17.11	17	68,8	Nhóm 2	22.610.585

STT	Mã căn	Tầng	Diện tích sử dụng (m2)	Nhóm căn hộ	Giá bán (đồng/m2)
480	A.17.12	17	68,8	Nhóm 2	22.610.585
481	A.17.13	17	68,8	Nhóm 2	22.610.585
482	A.17.14	17	34,5	Nhóm 2	22.610.585
483	A.17.15	17	67,5	Nhóm 4	24.225.633
484	A.17.16	17	69,9	Nhóm 2	22.610.585
485	A.17.17	17	68,8	Nhóm 2	22.610.585
486	A.17.18	17	66,6	Nhóm 3	23.072.021
487	B.17.01	17	68,8	Nhóm 2	22.610.585
488	B.17.02	17	68,8	Nhóm 2	22.610.585
489	B.17.03	17	68,8	Nhóm 2	22.610.585
490	B.17.04	17	68,8	Nhóm 2	22.610.585
491	B.17.05	17	68,8	Nhóm 2	22.610.585
492	B.17.06	17	68,9	Nhóm 4	24.225.633
493	B.17.07	17	68,8	Nhóm 4	24.225.633
494	B.17.08	17	68,5	Nhóm 3	23.072.021
495	B.17.09	17	39,1	Nhóm 3	23.072.021
496	B.17.10	17	68,8	Nhóm 3	23.072.021
497	B.17.11	17	68,8	Nhóm 3	23.072.021
498	B.17.12	17	68,8	Nhóm 3	23.072.021
499	B.17.13	17	68,8	Nhóm 3	23.072.021
500	B.17.14	17	34,5	Nhóm 3	23.072.021
501	B.17.15	17	67,5	Nhóm 4	24.225.633
502	B.17.16	17	69,9	Nhóm 3	23.072.021
503	B.17.17	17	68,8	Nhóm 3	23.072.021
504	B.17.18	17	66,6	Nhóm 2	22.610.585
505	A.18.01	18	68,8	Nhóm 3	23.072.021
506	A.18.02	18	68,8	Nhóm 3	23.072.021
507	A.18.03	18	68,8	Nhóm 3	23.072.021
508	A.18.04	18	68,8	Nhóm 3	23.072.021
509	A.18.05	18	68,8	Nhóm 3	23.072.021
510	A.18.06	18	68,9	Nhóm 4	24.225.633
511	A.18.07	18	68,8	Nhóm 4	24.225.633
512	A.18.08	18	68,5	Nhóm 2	22.610.585
513	A.18.09	18	39,1	Nhóm 2	22.610.585
514	A.18.10	18	68,8	Nhóm 2	22.610.585
515	A.18.11	18	68,8	Nhóm 2	22.610.585
516	A.18.12	18	68,8	Nhóm 2	22.610.585
517	A.18.13	18	68,8	Nhóm 2	22.610.585
518	A.18.14	18	34,5	Nhóm 2	22.610.585
519	A.18.15	18	67,5	Nhóm 4	24.225.633
520	A.18.16	18	69,9	Nhóm 2	22.610.585
521	A.18.17	18	68,8	Nhóm 2	22.610.585
522	A.18.18	18	66,6	Nhóm 3	23.072.021
523	B.18.01	18	68,8	Nhóm 2	22.610.585

STT	Mã căn	Tầng	Diện tích sử dụng (m2)	Nhóm căn hộ	Giá bán (đồng/m2)
524	B.18.02	18	68,8	Nhóm 2	22.610.585
525	B.18.03	18	68,8	Nhóm 2	22.610.585
526	B.18.04	18	68,8	Nhóm 2	22.610.585
527	B.18.05	18	68,8	Nhóm 2	22.610.585
528	B.18.06	18	68,9	Nhóm 4	24.225.633
529	B.18.07	18	68,8	Nhóm 4	24.225.633
530	B.18.08	18	68,5	Nhóm 3	23.072.021
531	B.18.09	18	39,1	Nhóm 3	23.072.021
532	B.18.10	18	68,8	Nhóm 3	23.072.021
533	B.18.11	18	68,8	Nhóm 3	23.072.021
534	B.18.12	18	68,8	Nhóm 3	23.072.021
535	B.18.13	18	68,8	Nhóm 3	23.072.021
536	B.18.14	18	34,5	Nhóm 3	23.072.021
537	B.18.15	18	67,5	Nhóm 4	24.225.633
538	B.18.16	18	69,9	Nhóm 3	23.072.021
539	B.18.17	18	68,8	Nhóm 3	23.072.021
540	B.18.18	18	66,6	Nhóm 2	22.610.585
541	A.19.01	19	68,8	Nhóm 3	23.072.021
542	A.19.02	19	68,8	Nhóm 3	23.072.021
543	A.19.03	19	68,8	Nhóm 3	23.072.021
544	A.19.04	19	68,8	Nhóm 3	23.072.021
545	A.19.05	19	68,8	Nhóm 3	23.072.021
546	A.19.06	19	68,9	Nhóm 4	24.225.633
547	A.19.07	19	68,8	Nhóm 4	24.225.633
548	A.19.08	19	68,5	Nhóm 2	22.610.585
549	A.19.09	19	39,1	Nhóm 2	22.610.585
550	A.19.10	19	68,8	Nhóm 2	22.610.585
551	A.19.11	19	68,8	Nhóm 2	22.610.585
552	A.19.12	19	68,8	Nhóm 2	22.610.585
553	A.19.13	19	68,8	Nhóm 2	22.610.585
554	A.19.14	19	34,5	Nhóm 2	22.610.585
555	A.19.15	19	67,5	Nhóm 4	24.225.633
556	A.19.16	19	69,9	Nhóm 2	22.610.585
557	A.19.17	19	68,8	Nhóm 2	22.610.585
558	A.19.18	19	66,6	Nhóm 3	23.072.021
559	B.19.01	19	68,8	Nhóm 2	22.610.585
560	B.19.02	19	68,8	Nhóm 2	22.610.585
561	B.19.03	19	68,8	Nhóm 2	22.610.585
562	B.19.04	19	68,8	Nhóm 2	22.610.585
563	B.19.05	19	68,8	Nhóm 2	22.610.585
564	B.19.06	19	68,9	Nhóm 4	24.225.633
565	B.19.07	19	68,8	Nhóm 4	24.225.633
566	B.19.08	19	68,5	Nhóm 3	23.072.021
567	B.19.09	19	39,1	Nhóm 3	23.072.021
568	B.19.10	19	68,8	Nhóm 3	23.072.021

STT	Mã căn	Tầng	Diện tích sử dụng (m2)	Nhóm căn hộ	Giá bán (đồng/m2)
569	B.19.11	19	68,8	Nhóm 3	23.072.021
570	B.19.12	19	68,8	Nhóm 3	23.072.021
571	B.19.13	19	68,8	Nhóm 3	23.072.021
572	B.19.14	19	34,5	Nhóm 3	23.072.021
573	B.19.15	19	67,5	Nhóm 4	24.225.633
574	B.19.16	19	69,9	Nhóm 3	23.072.021
575	B.19.17	19	68,8	Nhóm 3	23.072.021
576	B.19.18	19	66,6	Nhóm 2	22.610.585
577	A.20.01	20	68,8	Nhóm 2	22.610.585
578	A.20.02	20	68,8	Nhóm 2	22.610.585
579	A.20.03	20	68,8	Nhóm 2	22.610.585
580	A.20.04	20	68,8	Nhóm 2	22.610.585
581	A.20.05	20	68,8	Nhóm 2	22.610.585
582	A.20.06	20	68,9	Nhóm 4	24.225.633
583	A.20.07	20	68,8	Nhóm 4	24.225.633
584	A.20.08	20	68,5	Nhóm 1	22.149.149
585	A.20.09	20	39,1	Nhóm 1	22.149.149
586	A.20.10	20	68,8	Nhóm 1	22.149.149
587	A.20.11	20	68,8	Nhóm 1	22.149.149
588	A.20.12	20	68,8	Nhóm 1	22.149.149
589	A.20.13	20	68,8	Nhóm 1	22.149.149
590	A.20.14	20	34,5	Nhóm 1	22.149.149
591	A.20.15	20	67,5	Nhóm 4	24.225.633
592	A.20.16	20	69,9	Nhóm 1	22.149.149
593	A.20.17	20	68,8	Nhóm 1	22.149.149
594	A.20.18	20	66,6	Nhóm 2	22.610.585
595	B.20.01	20	68,8	Nhóm 1	22.149.149
596	B.20.02	20	68,8	Nhóm 1	22.149.149
597	B.20.03	20	68,8	Nhóm 1	22.149.149
598	B.20.04	20	68,8	Nhóm 1	22.149.149
599	B.20.05	20	68,8	Nhóm 1	22.149.149
600	B.20.06	20	68,9	Nhóm 4	24.225.633
601	B.20.07	20	68,8	Nhóm 4	24.225.633
602	B.20.08	20	68,5	Nhóm 2	22.610.585
603	B.20.09	20	39,1	Nhóm 2	22.610.585
604	B.20.10	20	68,8	Nhóm 2	22.610.585
605	B.20.11	20	68,8	Nhóm 2	22.610.585
606	B.20.12	20	68,8	Nhóm 2	22.610.585
607	B.20.13	20	68,8	Nhóm 2	22.610.585
608	B.20.14	20	34,5	Nhóm 2	22.610.585
609	B.20.15	20	67,5	Nhóm 4	24.225.633
610	B.20.16	20	69,9	Nhóm 2	22.610.585
611	B.20.17	20	68,8	Nhóm 2	22.610.585
612	B.20.18	20	66,6	Nhóm 1	22.149.149